

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**PHÊ DUYỆT LỘ TRÌNH PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU
GIAI ĐOẠN 2017 – 2020 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70 ngày 12 tháng 7 năm 2006 và Luật Chứng khoán sửa đổi số 62 ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2015 số 68 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 128/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Lộ trình phát triển thị trường vốn đến năm 2010 tầm nhìn đến năm 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Lộ trình phát triển thị trường trái phiếu Việt Nam giai đoạn 2017 - 2020 và tầm nhìn đến 2030 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển:

1.1. Xây dựng và phát triển thị trường trái phiếu phù hợp với mức độ phát triển của nền kinh tế, đồng bộ với sự phát triển của các cấu phần khác của thị trường tài chính gồm thị trường cổ phiếu và thị trường tiền tệ - tín dụng ngân hàng;

1.2. Phát triển thị trường trái phiếu cả về chiều rộng và chiều sâu, đảm bảo an toàn hệ thống, tiếp cận với các thông lệ, chuẩn mực quốc tế và hiện đại hóa hạ tầng thị trường để nâng cao khả năng huy động vốn qua thị trường, đưa thị trường trở thành một kênh huy động vốn trung và dài hạn quan trọng cho nền kinh tế;

1.3. Ưu tiên phát triển thị trường trái phiếu Chính phủ, làm nền tảng cho sự phát triển của thị trường trái phiếu; đẩy mạnh phát triển thị trường trái phiếu doanh

nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp huy động vốn, đặc biệt là vốn trung và dài hạn;

1.4. Tăng cường và bảo đảm tính công khai, minh bạch, bảo vệ lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia thị trường.

2. Mục tiêu:

2.1. Mục tiêu tổng quát

a) Phát triển thị trường trái phiếu ổn định, cấu trúc hoàn chỉnh, đồng bộ về các yếu tố cung - cầu; mở rộng cơ sở nhà đầu tư, tăng quy mô và chất lượng hoạt động, đa dạng hóa các sản phẩm, nghiệp vụ, đảm bảo thị trường hoạt động công khai, minh bạch hiệu quả trở thành kênh huy động vốn trung và dài hạn quan trọng cho nền kinh tế và bảo vệ lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư

b) Chủ động hội nhập thị trường quốc tế, từng bước tiếp cận với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế.

2.2 Mục tiêu cụ thể

a) Phân đầu dư nợ thị trường trái phiếu đạt khoảng 45% GDP vào năm 2020 và khoảng 65% GDP vào năm 2030, trong đó dư nợ thị trường trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương đạt khoảng 38% GDP vào năm 2020 và khoảng 45% năm 2030, dư nợ thị trường trái phiếu doanh nghiệp đạt khoảng 7% GDP vào năm 2020 và khoảng 18% vào năm 2030;

b) Phân đầu kỳ hạn bình quân trái phiếu Chính phủ trong nước giai đoạn 2017 – 2020 đạt 6-7 năm; giai đoạn 2021-2030 đạt 7-8 năm.

c) Tăng khối lượng giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương bình quân niên lên mức 1% vào năm 2020 và 2% vào năm 2030.

d) Tăng tỷ trọng trái phiếu Chính phủ do các công ty bảo hiểm, bảo hiểm xã hội, quỹ hưu trí, quỹ đầu tư và các tổ chức tài chính phi ngân hàng nắm giữ lên mức 50% năm 2020 và mức 55% vào năm 2030.

3. Các giải pháp thực hiện

3.1. Khung khổ chính sách về thị trường trái phiếu

3.1.1. Đối với các Luật và Nghị quyết của Quốc hội

a) Nghiên cứu đề xuất sửa đổi Luật Nợ công về quản lý rủi ro nợ Chính phủ để làm rõ nguồn mua lại trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính quyền địa phương cũng như thẩm quyền quản lý rủi ro danh mục nợ theo hướng tăng tính chủ động cho Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính trong việc điều hành thị trường trái phiếu đảm bảo ổn định và bền vững.

b) Nghiên cứu đề xuất Quốc hội cho phép Chính phủ và Bộ Tài chính phát hành trái phiếu Chính phủ theo hướng đạt được kỳ hạn phát hành bình quân tối thiểu hàng năm để vừa đảm bảo huy động được vốn cho Ngân sách Nhà nước, vừa quản lý rủi ro danh mục nợ Chính phủ vừa phát triển thị trường trái phiếu.

c) Nghiên cứu đề xuất sửa đổi Luật Ngân hàng Nhà nước và Luật các tổ chức tín dụng về việc cho phép các tổ chức tín dụng có thể sử dụng trái phiếu Chính phủ là một phần trong dự trữ bắt buộc của các tổ chức tín dụng.

d) Nghiên cứu đề xuất sửa đổi Luật Bảo hiểm xã hội về việc cho phép Bảo hiểm xã hội Việt Nam có thể được đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp theo tỷ lệ nhất định, ngoài tỷ lệ gửi tiền và mua chứng chỉ, trái phiếu của các tổ chức tín dụng.

đ) Nghiên cứu đề xuất sửa đổi Luật Thuế thu nhập cá nhân để thống nhất cơ chế thuế thu nhập cá nhân đối với lãi tiền gửi tiết kiệm và lãi đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp.

e) Nghiên cứu sửa đổi Luật Chứng khoán để sửa đổi về điều kiện phát hành, đăng ký, lưu ký và nhà đầu tư được nắm giữ trái phiếu doanh nghiệp phát hành ra công chúng và trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ.

3.1.2. Đối với các văn bản hướng dẫn

a) Ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 01/2011/NĐ-CP về phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương và các văn bản hướng dẫn nhằm tạo khuôn khổ pháp lý cho việc thiết lập các nhà tạo lập trên thị trường thứ cấp, hỗ trợ thanh khoản cho các nhà tạo lập thị trường, thực hiện các nghiệp vụ tái cơ cấu danh mục nợ, ổn định và phát triển thị trường, phát triển các sản phẩm mới.

b) Ban hành các Nghị định thay thế Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012, Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 và Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14/10/2011 về phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng và phát hành riêng lẻ để phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp theo các giải pháp quy định tại Quyết định này.

c) Ban hành chính sách của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về phát triển thị trường trái phiếu xanh để tạo điều kiện cho chính quyền địa phương và các doanh nghiệp huy động vốn qua phát hành trái phiếu để thực hiện các dự án xanh.

d) Ban hành các Nghị định và văn bản hướng dẫn quy định về chính sách thuế để phát triển thị trường trái phiếu (thuế tham gia chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện, thuế nhà thầu đối với nhà đầu tư nước ngoài, thuế từ khoản lãi gửi tiền tiết kiệm ngân hàng và đầu tư trái phiếu doanh nghiệp....)

đ) Ban hành các thông tư hướng dẫn để phát triển thị trường thứ cấp bao gồm: hệ thống giao dịch và thanh toán trái phiếu, nhà tạo lập thị trường trái phiếu

trên thị trường thứ cấp, hỗ trợ thanh khoản cho nhà tạo lập thị trường, phát triển thị trường giao dịch kỳ hạn (repos), chi phí giao dịch trái phiếu.

đ) Ban hành các thông tư hướng dẫn về giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn của các tổ chức tín dụng theo các giải pháp quy định tại Quyết định này.

e) Ban hành các sổ tay nghiệp vụ hướng dẫn về phát hành trái phiếu cho các chủ thể phát hành nhằm đào tạo kiến thức cho các chủ thể phát hành tham gia huy động vốn trên thị trường trái phiếu.

3.2. Phát triển thị trường sơ cấp

3.2.1. Đối với trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương

a) Xây dựng và công bố công khai lịch biểu phát hành trái phiếu Chính phủ đảm bảo hài hòa với các tổ chức phát hành khác (các ngân hàng chính sách phát hành trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành tín phiếu để thực hiện chính sách tiền tệ), phù hợp với tình hình phát triển của thị trường, thúc đẩy phát triển thị trường thứ cấp tạo điều kiện cho các thành viên chủ động tham gia thị trường.

b) Đa dạng hóa các sản phẩm trái phiếu Chính phủ và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh để đáp ứng nhu cầu đầu tư của các nhà đầu tư và thiết lập các sản phẩm tài chính và đường cong lãi suất chuẩn trên thị trường tài chính, cụ thể:

- Phát hành định kỳ tín phiếu Kho bạc nhằm góp phần tạo lập đường cong lãi suất chuẩn cho các sản phẩm tài chính ngắn hạn và làm cơ sở cho việc phát triển các sản phẩm trái phiếu thả nổi.

- Phát hành định kỳ trái phiếu Chính phủ, với kỳ hạn dài để vừa thu hút các nhà đầu tư là các công ty bảo hiểm, các quỹ đầu tư, quỹ hưu trí và các định chế tài chính phi ngân hàng khác vừa góp phần kéo dài kỳ hạn của danh mục nợ trái phiếu Chính phủ.

- Phát hành các sản phẩm mới theo lộ trình phù hợp với sự phát triển của thị trường và nhu cầu của nhà đầu tư như: trái phiếu có lãi suất thả nổi, trái phiếu có gốc, lãi được giao dịch tách biệt (strip bond), trái phiếu gắn với chỉ số lạm phát,....

- Phát triển theo lộ trình các sản phẩm phái sinh trái phiếu phù hợp với nhu cầu đầu tư của thị trường như giao dịch tương lai, giao dịch quyền chọn.

c) Tiếp tục tập trung phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh theo phương thức đấu thầu (bao gồm cả phát hành cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam) nhằm tăng cường tính cạnh tranh và thiết lập mặt bằng giá chuẩn trên thị trường; Thí điểm tiến tới áp dụng phương thức đấu thầu đa giá đối với các sản phẩm trái phiếu đã có tính cạnh tranh cao và thanh khoản thị trường tốt.

d) Hoàn thiện và phát triển hệ thống các nhà tạo lập thị trường với đầy đủ

quyền lợi và nghĩa vụ để thực hiện chức năng tạo lập thị trường trên cả thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp nhằm tăng tính thanh khoản của thị trường.

đ) Kho bạc Nhà nước thực hiện thường xuyên các nghiệp vụ về phát hành bổ sung trái phiếu hoặc hoán đổi trái phiếu, mua lại trái phiếu để hình thành các mã trái phiếu chuẩn nhằm tăng thanh khoản và ổn định thị trường, nâng cao hiệu quả việc quản lý dòng tiền của ngân sách nhà nước

3.2.2. Đối với trái phiếu doanh nghiệp

a) Phân biệt rõ điều kiện và quy trình phát hành trái phiếu doanh nghiệp để vừa tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát hành trái phiếu vừa đảm bảo tính công khai minh bạch của thị trường và bảo vệ nhà đầu tư, cụ thể:

- Tách biệt điều kiện, hồ sơ phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng với điều kiện và hồ sơ phát hành cổ phiếu ra công chúng. Yêu cầu bắt buộc doanh nghiệp phát hành cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng phải được doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm đánh giá xếp hạng khi thị trường trong nước có ít nhất 02 doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm.

- Tách biệt phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ giới hạn cho một số ít nhà đầu tư với phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ có quy trình phát hành tương đương với phát hành ra công chúng (sau đây gọi tắt là phát hành trái phiếu riêng lẻ); Rà soát lại điều kiện phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo nguyên tắc gắn với công bố công khai thông tin, đồng thời quy định giới hạn chỉ có nhà đầu tư chuyên nghiệp được phép đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ; Khuyến khích trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán;

b) Khuyến khích đa dạng hóa các loại hình trái phiếu doanh nghiệp khi thị trường phát triển ở trình độ cao hơn, như giấy tờ có giá có lãi suất thả nổi, chương trình phát hành trái phiếu trung – dài hạn, chứng khoán hóa trên cơ sở các khoản vay mua nhà hoặc các tài sản đảm bảo.

c) Khuyến khích tiến tới yêu cầu các doanh nghiệp huy động vốn trung và dài hạn qua kênh phát hành trái phiếu doanh nghiệp thông qua chính sách thuế và chính sách duy trì đảm bảo an toàn tín dụng của các ngân hàng thương mại.

d) Ban hành các quy chế hướng dẫn quy trình thủ tục phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo thông lệ thị trường để đào tạo và hướng dẫn các doanh nghiệp tham gia thị trường trái phiếu doanh nghiệp.

3.3. Về thị trường thứ cấp

a) Cải tiến hệ thống giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương tại Sở Giao dịch chứng khoán phù hợp với tính chất giao dịch thỏa thuận nhằm đảm bảo chế độ báo cáo giao dịch kịp thời, chính xác để xây dựng đường cong lãi suất chuẩn trên thị trường; Tăng

cường chế độ trách nhiệm của thành viên thị trường thứ cấp trong công tác báo cáo giao dịch.

b) Cho phép các thành viên tạo lập thị trường được vay trái phiếu để bán trong ngày thanh toán trái phiếu nhằm thúc đẩy thanh khoản của thị trường và đảm bảo sự phát triển ổn định của thị trường.

c) Yêu cầu các nhà tạo lập thị trường thực hiện nghĩa vụ chào giá hai chiều (giá mua, giá bán) đối với các mã trái phiếu Chính phủ tiêu chuẩn nhằm tạo thanh khoản trên thị trường.

d) Kho bạc Nhà nước cho vay trái phiếu đối với các nhà tạo lập thị trường khi thực hiện nghĩa vụ chào giá mua và giá bán đối với các sản phẩm trái phiếu chuẩn nhằm tăng thanh khoản cho thị trường.

d) Xây dựng đường cong lãi suất và chỉ số trái phiếu Chính phủ nhằm hỗ trợ cho việc đánh giá hiệu quả tài chính của các danh mục đầu tư trái phiếu.

đ) Xây dựng khung hợp đồng mẫu giao dịch có kỳ hạn (repos) chuẩn nhằm tạo điều kiện cho các thành viên tham gia thị trường trái phiếu

e) Rà soát theo hướng giảm các chi phí liên quan đến đăng ký lưu ký, niêm yết và giao dịch trên thị trường trái phiếu.

3.4. Về phát triển và đa dạng hóa hệ thống nhà đầu tư

a) Đối với Bảo hiểm xã hội Việt Nam (BHXVN): Chuyển toàn bộ hình thức cho vay trực tiếp đối với ngân sách nhà nước sang hình thức đầu tư trái phiếu Chính phủ. Thực hiện đầu tư trái phiếu Chính phủ chủ yếu thông qua phương thức đấu thầu trên thị trường phù hợp với việc cải cách quản lý dòng tiền và phương thức đầu tư của BHXHVN. Nghiên cứu cho phép BHXHVN đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp có xếp hạng tín nhiệm cao (ngoài việc gửi tiền, mua chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu của các ngân hàng có chất lượng tốt).

b) Thúc đẩy việc hình thành và phát triển hệ thống chương trình hưu trí tự nguyện (sản phẩm bảo hiểm hưu trí và quỹ hưu trí) thông qua chính sách thuế để vừa tạo nguồn vốn đầu tư dài hạn vào thị trường trái phiếu vừa đa dạng hóa hệ thống an sinh xã hội.

c) Khuyến khích Bảo hiểm tiền gửi tăng tỷ trọng mua trái phiếu Chính phủ theo quy định của Luật Bảo hiểm tiền gửi.

d) Sửa đổi chính sách đầu tư của doanh nghiệp bảo hiểm, đặc biệt là doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ theo hướng tăng tỷ trọng đầu tư vào trái phiếu Chính phủ; phân biệt chính sách đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp được xếp hạng tín nhiệm với trái phiếu doanh nghiệp không được xếp hạng tín nhiệm để vừa đảm bảo an toàn hoạt động của các doanh nghiệp bảo hiểm vừa tạo nguồn vốn đầu tư dài hạn vào thị trường trái phiếu.

đ) Đa dạng hóa các loại hình quỹ đầu tư mục tiêu trong đó bao gồm các quỹ đầu tư trái phiếu.

e) Rà soát và kiến nghị điều chỉnh theo hướng thống nhất chính sách thuế thu nhập cá nhân giữa tiền gửi tiết kiệm và tiền đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp để khuyến khích sự tham gia của nhà đầu tư cá nhân tham gia đầu tư trực tiếp trái phiếu hoặc thông qua các quỹ đầu tư trái phiếu; đồng thời nghiên cứu thí điểm phương thức bán lẻ trái phiếu cho nhà đầu tư cá nhân để hình thành một kênh huy động vốn liên tục, đáp ứng nhu cầu đầu tư của dân cư vào các tài sản có tính an toàn cao.

g) Khuyến khích sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài thông qua rà soát, điều chỉnh chính sách thuế và phí giao dịch trái phiếu đối với nhà đầu tư nước ngoài; khuyến khích các tổ chức nước ngoài phát hành các chứng chỉ lưu ký toàn cầu được niêm yết trên thị trường nước ngoài với tài sản cơ sở là trái phiếu Chính phủ trong nước.

e) Cho phép các tổ chức tín dụng được sử dụng một phần dự trữ bắt buộc bằng trái phiếu Chính phủ khi sửa đổi Luật Ngân hàng Nhà nước và Luật tổ chức tín dụng.

i) Rà soát sửa đổi lại chính sách quy định về tỷ lệ nắm giữ trái phiếu Chính phủ của các tổ chức tín dụng theo hướng bỏ quy định về tỷ lệ nắm giữ, trong trường hợp cần thiết phải quy định sẽ loại bỏ các trái phiếu sử dụng để giao dịch nhằm phản ánh đúng bản chất đầu tư trái phiếu Chính phủ của các tổ chức tín dụng.

k) Rà soát sửa đổi các quy định về nắm giữ trái phiếu doanh nghiệp của các tổ chức tín dụng theo hướng phù hợp với bản chất của giấy tờ có giá.

3.5 Về phát triển định chế trung gian và dịch vụ thị trường

a) Đẩy mạnh chương trình tái cơ cấu công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ theo các nguyên tắc và lộ trình quy định tại Quyết định số 252/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 và Quyết định số 1826/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2012 phê duyệt Đề án Tái cấu trúc thị trường chứng khoán và doanh nghiệp bảo hiểm và Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 13/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tái cơ cấu các tổ chức tín dụng nhằm tăng cường năng lực của các định chế này trong việc tham gia vào thị trường trái phiếu, đặc biệt là tham gia vào hệ thống phát hành, giao dịch và tạo lập thị trường.

b) Ban hành chính sách và cấp phép cho các đại lý quản lý trái phiếu hộ cho các nhà đầu tư.

c) Tập trung đầu mối đấu thầu trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương tại Sở giao dịch chứng khoán.

d) Hiện đại hóa công nghệ thông tin về hệ thống đấu thầu, đăng ký, lưu ký và

niêm yết trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh theo hướng giảm thiểu thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian từ khâu phát hành đến niêm yết trái phiếu từ T+2 vào năm 2016 xuống còn T+1 vào năm 2025 nhằm tăng tính thanh khoản của thị trường trái phiếu.

đ) Chuyển chức năng thanh toán trái phiếu, bao gồm cả trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu doanh nghiệp từ ngân hàng thương mại sang Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để thúc đẩy phát triển thị trường theo hướng an toàn, hiệu quả vừa giúp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện chính sách tiền tệ.

e) Nhà nước (thông qua Tổng công ty đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp) góp vốn cùng thành viên thị trường và các đối tác khác để thành lập công ty xếp hạng tín nhiệm trong nước nhằm góp phần thúc đẩy phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp theo hướng công khai, minh bạch

g) Hình thành hệ thống công bố thông tin về phát hành, giao dịch đối với các trái phiếu doanh nghiệp tại Sở Giao dịch Chứng khoán để tăng cường phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp.

3.6. Các giải pháp khác

3.6.1. Tăng cường sự phối hợp giữa chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa và sự liên kết, cân đối và đồng bộ giữa thị trường tiền tệ, tín dụng và thị trường trái phiếu.

a) Tăng cường sự chia sẻ thông tin và điều hành chính sách quản lý thanh khoản của nền kinh tế với chính sách tài khóa (thu, chi ngân sách nhà nước, huy động vốn cho NSNN) giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính để tạo nền tảng ổn định kinh tế vĩ mô và phát triển thị trường tài chính.

b) Hải hòa lịch biểu, lãi suất và phương thức đấu thầu phát hành tín phiếu Ngân hàng Nhà nước để thực hiện chính sách tiền tệ và việc phát hành trái phiếu Chính phủ của Kho bạc Nhà nước nhằm đảm bảo sự thống nhất và liên thông giữa thị trường tiền tệ và thị trường trái phiếu Chính phủ.

c) Rà soát sửa đổi các chính sách về giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn của các tổ chức tín dụng theo hướng giảm tỷ lệ cho vay trên tổng tiền gửi và cho vay trung dài hạn trên tổng tiền gửi ngắn hạn và hạn chế việc cho vay vượt quá 15% vốn chủ sở hữu của các tổ chức tín dụng đối với một khách hàng để vừa giảm bớt rủi ro cho hệ thống ngân hàng vừa điều chỉnh xu hướng yêu cầu huy động vốn qua kênh thị trường trái phiếu của các doanh nghiệp.

d) Rà soát các quy định về ngoại hối để sửa đổi, hoàn thiện nhằm tạo ra các công cụ quản lý rủi ro, đặc biệt là rủi ro tỷ giá để vừa thu hút nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào thị trường trái phiếu vừa đảm bảo định hướng quản lý ngoại hối của Việt Nam.

3.6.2. Tăng cường đối thoại với thành viên thị trường và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hiệp hội trái phiếu Việt Nam.

a) Tổ chức đối thoại, trao đổi định kỳ giữa Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và các thành viên thị trường để trao đổi và thống nhất giải pháp phát triển thị trường trái phiếu.

b) Đào tạo và yêu cầu các thành viên thị trường thực hiện đúng các quy định khi tham gia vào thị trường trái phiếu.

c) Khuyến khích Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam hoàn thiện và ban hành các chuẩn mực về phát triển thị trường như chuẩn mực về đạo đức, chuẩn mực giao dịch, chuẩn mực về các phương thức phát hành trái phiếu doanh nghiệp, bản cáo bạch mẫu trên cơ sở phù hợp với khung khổ luật pháp nhằm thống nhất các phương thức tính giá, yết giá và cách thức tiến hành giao dịch trên thị trường thứ cấp.

d) Nâng cấp và hoàn thiện trang thông tin về thị trường trái phiếu tại Bộ Tài chính theo hướng công khai minh bạch từ cơ chế chính sách, kế hoạch, lịch biểu phát hành, kết quả phát hành để tạo điều kiện cho các nhà đầu tư phân tích và tìm hiểu cơ hội đầu tư vào thị trường trái phiếu.

3.6.3. Tích cực tham gia các chương trình, diễn đàn hợp tác quốc tế và khu vực ASEAN, ASEAN + 3, ASEM, APEC, GEMLOC nhằm tăng cường sự kết nối với thị trường trái phiếu trong khu vực và phát triển thị trường trái phiếu trong nước.

Điều 3. Đánh giá thực hiện Lộ trình

1. Định kỳ hàng năm, Bộ Tài chính có trách nhiệm đánh giá tình hình thực hiện Lộ trình phát triển thị trường trái phiếu quy định tại Quyết định này để báo cáo Thủ tướng Chính phủ .

2. Định kỳ 5 (năm) năm bắt đầu từ năm 2020, Bộ Tài chính có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, ngành liên quan rà soát, đánh giá việc triển khai Lộ trình để phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 5 năm.

Điều 4: Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

a) Chỉ đạo thực hiện Lộ trình phát triển thị trường trái phiếu giai đoạn 2017-2020 và tầm nhìn 2030.

b) Căn cứ các quan điểm, mục tiêu và giải pháp, xây dựng ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách nhằm phát triển thị trường trái phiếu quy định tại Điều 2 và Phụ lục 1 Quyết định này.

2. Ngân hàng nhà nước Việt Nam

a) Phối hợp với Bộ Tài chính triển khai thực hiện các giải pháp quy định tại Điều 2 và Phụ lục 1 Quyết định này.

b) Điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa nhằm kiểm soát lạm phát, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô và tạo điều kiện phát triển thị trường vốn, thị trường trái phiếu.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTT (5b)

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc